

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2018/HS-PT

Ngày: 25/12 /2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Thông

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền, Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Thý ký phiên tòa: Bà Ngô Khánh Chi, Thý ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 131/2018/HSPT ngày 14 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Tú A và đồng phạm do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2018/HS-ST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

- Bị cáo có kháng nghị:

1, **Nguyễn Tú A**; Tên gọi khác: Nguyễn Ngọc T, Cu; Giới tính: Nam; Sinh: 08/9/1989; Trú tại: Xóm T, xã Í, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị X; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị cáo có 04 tiền án: Ngày 04/11/2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 05 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”; Ngày 26/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 03/7/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Ngày 18/6/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/02/2018; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 31/5/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2, **Phan Văn Đ**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh: 08/3/1990; Trú tại: Xóm 8, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phan Thanh T và bà Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị cáo

có 01 tiền án: Ngày 05/3/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 03/02/2016; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 01/6/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3, **Đặng Tiến L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh: 15/3/1991; Trú tại: Khối 11, thị trấn H, tỉnh Hà Tĩnh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Đặng Đức T và bà Lê Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án: Ngày 27/4/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 08/8/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 03/3/2018; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 03/6/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Vụ án còn có các người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2018 đến ngày 26/5/2018, lợi dụng sơ hở của các chủ sở hữu, Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản, chiếm đoạt 07 chiếc xe mô tô các loại trên địa bàn các huyện C, Lộc Hà, Thạch Hà, Hyông Khê và thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ chiếm đoạt của các bị hại theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 69.000.000 đồng, thu lợi bất chính 19.500.000 đồng, số tiền này, cả hai chia nhau sử dụng (chia đôi). Trong số các xe do trộm cắp được mà có, Tú Anh và Đức ज्या đến bán cho Đặng Tiến L 03 chiếc trị giá 25.000.000 đồng, bị cáo Lợi thu lợi bất chính số tiền 8.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi được 06 xe mô tô và trả lại cho các bị hại, những người được trả lại xe không yêu cầu gì thêm. Còn chiếc xe mô tô của anh Trần Đình T không thu hồi được, anh Thanh yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng, Nguyễn Tú A đã bồi thường 7.500.000 đồng, Phan Văn Đ chấy bồi thường.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HSST ngày 08/10/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh đã xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Đặng Tiến L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; tiết thứ hai điểm b, điểm r, tiết thứ nhất điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Tú A 42 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; điểm r, tiết thứ nhất điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt Phan Văn Đ 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; tiết thứ nhất điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015 xử phạt Đặng Tiến L 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2018.

Bản án còn quyết định hình phạt bổ sung bằng tiền đối với Đặng Tiến L, tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, Ngày 06/11/2018 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có quyết định kháng nghị số: 37/QĐ-VKS-P7 kháng nghị bản án hình sự sơ thẩm số 16/2018/HSST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng:

Áp dụng thêm điểm b khoản 2 điều 173 BLHS (phạm tội có tính chất chuyên nghiệp) để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ và tăng hình phạt đối với 02 bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS truy thu từ bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ mỗi bị cáo 6.500.000đ, truy thu từ bị cáo Đặng Tiến L 8.200.000đ là tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều khai và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung của bản án sơ thẩm. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng nghị.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm a khoản 2 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt, xử phạt bị cáo Nguyễn Tú A từ 48 đến 51 tháng tù; xử phạt bị cáo Phan Văn Đ từ 42 đến 45 tháng tù, truy thu từ bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ mỗi bị cáo 6.500.000đ, truy thu từ bị cáo Đặng Tiến L 8.200.000đ là tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Theo lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ có đủ yếu tố cấu

thành của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 2 Điều 173 BLHS, hành vi phạm tội của bị cáo Đặng Tiến L có đủ yếu tố cấu thành của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Theo đó bản án hình sự số 16/2018/HSST ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hà Tĩnh quyết định tuyên bố các bị cáo phạm tội nhậy trên là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm mất trật tự trị an xã hội, trộm cắp, tiêu thụ tài sản của trộm cắp là những tệ nạn xấu cần phải bị pháp luật nghiêm trị.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trong vụ án này, Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ đều đang có tiền án Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ ở lại làm ăn tại miền Nam, đến tháng 5 năm 2018 cả hai về Hà Tĩnh, từ ngày 22/5/2018 đến 26/5/2018 trong vòng 05 ngày đã liên tiếp gây ra 07 vụ trộm cắp tài sản.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với các bị cáo Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Trước khi thực hiện các vụ trộm cắp xe mô tô, Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ đều chuẩn bị sẵn vạm phá khóa, trong thời gian có 05 ngày đã liên tục thực hiện 07 vụ trộm cắp 07 chiếc xe mô tô trên địa bàn 5 huyện, thành phố, với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 69.000.000 đồng, thu lợi bất chính 19.500.000 đồng, số tiền này các bị cáo phục vụ cho việc chi tiêu cá nhân hàng ngày. Hành vi của Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ đủ căn cứ để xác định là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp được quy định tại Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nhậyng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung này để xét xử đối với các bị cáo là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác trong số tài sản các bị cáo trộm cắp thì có 06 chiếc xe mô tô quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho các chủ sở hữu, Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ mỗi bị cáo thu lợi bất chính số tiền 6.500.000 đồng từ việc bán 06 chiếc xe này; bị cáo Đặng Tiến L thu lợi bất chính số tiền 8.200.000 đồng từ việc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có nhậyng Tòa án cấp sơ thẩm không truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có là vi phạm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hình sự.

Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, cũng như bản phúc cung của VKSND Huyện C các bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ đều trình bày là không có nghề nghiệp gì, mục đích các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là để kiếm tiền sử dụng vào việc ăn uống, sinh hoạt hàng ngày. Những lời khai này đều trình bày trên cơ sở tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình, các bị cáo đều được đọc lại và ký tên đầy đủ. Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thay đổi lời khai (Nguyễn Tú A khai nghề nghiệp là thợ may, Phan Văn Đ khai làm nghề cơ khí) mặc dù chỉ có lời khai, không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nhưng Hội đồng xét xử

cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận theo lời khai của bị cáo, xác định nghề nghiệp của bị cáo Nguyễn Tú A là thợ may là không có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng nghị, áp dụng thêm điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Tú A và Phan Văn Đ, áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[3] Các bị cáo không phải nộp án phí Hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ điểm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 2 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ, truy thu số tiền do các bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ, Đặng Tiến L phạm tội mà có.

[2] **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Đặng Tiến L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng điểm b, c, g khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Nguyễn Tú A 48 (bốn mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173; các Điều 17, 38, 58; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Phan Văn Đ 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/6/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Đặng Tiến L 22 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2018.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 điều 106 BLTTHS truy thu từ bị cáo Nguyễn Tú A, Phan Văn Đ mỗi bị cáo 6.500.000đ, truy thu từ bị cáo Đặng Tiến L 8.200.000đ là tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

[4] Về án phí: Căn cứ điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hiền

Nguyễn Thị Bích Đào

Bùi Đình Thông